

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 30 tháng 7 năm 2025
“V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Hoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Đức Quang và bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Khánh Chi - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2025 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử công khai phúc thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 04/2025/TLPT-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025 về việc tranh chấp “Hôn nhân gia đình”. Do bản án số 13/2025/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3) bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 7 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2025/QĐPT-HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Trọng T, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn Đại L, xã Thanh Bình T, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh nay là thôn Đại Liên, xã Đức T, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị đơn: Chị Lê Hoài T, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn Thanh T, xã Thanh Bình T, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh nay là thôn Thanh T, xã Đức T, tỉnh Hà Tĩnh.

***Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:** Bà Bùi Hoàng Linh Chi - Luật sư Công ty Luật TNHH Hà Châu. Địa chỉ: Số 02H, đường Vũ Quang, phường Trần Phú, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh nay là số 02H, đường Vũ Quang, phường Thành Sen, tỉnh Hà Tĩnh.

***Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Trọng V, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Xóm 6, thôn Đại L, xã Thanh Bình T, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh nay là xóm 6, thôn Đại L, xã Đức Thịnh, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Xóm 6, thôn Đại L, xã Thanh Bình T, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh nay là xóm 6, thôn Đại Liên, xã Đức T, tỉnh Hà Tĩnh.

***Người làm chứng:** Anh Nguyễn Thượng L, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn Tiến T, xã Yên H, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh nay là thôn Tiến T, xã Đức Q, tỉnh Hà Tĩnh.

(Chị Lê Hoài T có mặt, anh Nguyễn Trọng Tài, ông Nguyễn Trọng Vệ và bà Nguyễn Thị Hòe đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Thượng Luận vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn anh Nguyễn Trọng T trình bày: Anh Nguyễn Trọng T kết hôn với chị Lê Hoài T trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 08/11/2018 tại UBND xã Thanh Bình Thịnh, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh (nay là xã Đức Thịnh, tỉnh Hà Tĩnh). Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng bất đồng quan điểm, sống thiếu tôn trọng nhau, anh T thường xuyên phải đi làm công trình xa nhà nên tình cảm vợ chồng càng ngày càng phai nhạt. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2023 đến nay. Anh T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn chị Lê Hoài T.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là Nguyễn Kim N, sinh ngày 27/10/2020. Hiện con chung đang sống cùng chị T, vợ chồng ly hôn anh T có nguyện vọng giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành. Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng.

Về T sản chung và nợ chung: Anh Tài không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lê Hoài T trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn thì như anh T trình bày, chị bổ sung thêm sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị T sinh con gái, anh T sống không chung thủy có biểu hiện ngoại tình. Tuy nhiên, chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa thực sự trầm trọng và chị vẫn còn tình cảm với anh Tài, chị mong muốn Tòa án hòa giải để hai bên đoàn tụ gia đình và chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Kim N, sinh ngày 27/10/2020. Hiện nay con chung đang sống với chị, nếu ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng theo phương thức cấp dưỡng một lần.

Về T sản: Vợ chồng có T sản chung là thửa đất số 09, tờ bản đồ số 12, diện tích 165m² tại tổ dân phố 2, phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh (nay là phường Bắc Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh). Thửa đất này được vợ chồng mua vào năm 2022 với giá 1.150.000.000 đồng, tiền để mua thửa đất này là do vợ chồng chị nhờ bố mẹ chồng là ông Nguyễn Trọng V và bà Nguyễn Thị H vay ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đức Thọ để mua đất. Thời điểm mua thửa đất đang có dịch Covid 19 nên chồng chị không về được nên nhờ bố mẹ chồng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện nay thửa đất trên ông V bà Hiếu đã bán với số tiền 930.000.000 đồng, sau khi bán đất anh T đã đưa số tiền bán đất là 570.000.000 đồng cho bố mẹ chồng trả khoản nợ vợ chồng đã nhờ ông bà vay ngân hàng để mua đất. Số tiền còn lại 360.000.000 đồng, anh T cất giữ không đưa cho chị, nay chị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh T phải đưa lại cho chị T số tiền 180.000.000 đồng.

Về nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng V và bà Nguyễn Thị H thống nhất trình bày:*

Việc chị Lê Hoài Tyêu cầu anh T đưa lại cho chị T số tiền 180.000.000 đồng trong tổng số 360.000.000 đồng tiền bán thửa đất thì ông V và bà Hiếu không có ý kiến gì. Còn đối với thửa đất số 09, tờ bản đồ số 12, diện tích 165m²; địa chỉ tổ dân phố 2, phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh (nay là phường Bắc Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh) là thuộc quyền sử dụng của ông bà đã được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DD 684319 cấp ngày 05/4/2022 mang tên ông Nguyễn Trọng V và bà Nguyễn Thị H. Nguồn gốc thửa đất này ông V mua lại của anh Nguyễn Thượng Lở thôn Tiến Thọ, xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ (nay là xã Đức Quang, tỉnh Hà Tĩnh) với số tiền là 1.150.000.000 đồng. Nguồn tiền để mua đất là do vợ chồng ông bà và vay ngân hàng, khi mua ông V là người trực tiếp giao dịch và chuyển tiền cho anh L. Đến tháng 4/2024 vợ chồng ông đã bán thửa đất trên để trả nợ ngân hàng. Đây là T sản của vợ chồng ông V và bà Hiếu chứ không phải là T sản chung của chị T và anh T như chị T trình bày.

**Người làm chứng anh Nguyễn Thượng L trình bày:* Vào khoảng năm 2022 anh L bán cho ông Nguyễn Trọng V thửa đất số 09 tờ bản đồ số 12, địa chỉ tại tổ dân phố 2, phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh (nay là phường Bắc Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh) với giá 1.150.000.000 đồng. Khi đến hỏi để mua thửa đất thì có ông V và chị T đến gặp anh để hỏi mua, sau khi hai bên thống nhất giá cả thì ông V là người đứng ra làm hợp đồng đặt cọc. Trước khi đặt cọc mua thửa đất thì việc giao dịch mua bán là do ông V đứng ra, còn chị T là người chuyển tiền đặt cọc, cụ thể chuyển số tiền cọc bao nhiêu thì anh không nhớ rõ. Quá trình làm hồ sơ thì anh làm với vợ chồng ông V số tiền mua thửa đất còn lại là do ông V chuyển khoản, ông V là người đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, còn những nội dung khác anh không biết rõ.

Với nội dung như trên, tại bản án sơ thẩm số 13/2025/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh đã căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273; điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 Luật hôn nhân gia đình; khoản 3 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; khoản 21 Điều 3 Luật đất đai năm 2024; điểm b khoản 1 Điều 3; khoản 1 Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 1 Điều 26; điểm a khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Trọng T được ly hôn chị Lê Hoài T.

- Về con chung: Giao con chung Nguyễn Kim N, sinh ngày 27/10/2020 cho chị Lê Hoài T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần, tính từ tháng 05/2025. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở.

- Về T sản: Bác yêu cầu của chị Lê Hoài T về việc yêu cầu anh Nguyễn Trọng T đưa lại cho chị T số tiền 180.000.000 triệu đồng.

Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025 chị Lê Hoài T kháng cáo đối với một phần Bản án số 13/2025/HNGĐ-ST ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh với nội dung đề nghị Tòa cấp phúc thẩm buộc anh Nguyễn Trọng T cấp dưỡng nuôi con với số tiền 4.000.000 đồng/tháng và buộc anh Tài đưa lại cho chị T số tiền 180.000.000 đồng tiền bán đất mà hiện nay anh đang cất giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn chị Lê Hoài T đã rút một phần nội dung kháng cáo về tiền cấp dưỡng nuôi con, còn yêu cầu chia tài sản chung chị vẫn giữ nguyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn anh Nguyễn Trọng T và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trọng Vệ và bà Nguyễn Thị Hcơ đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Luật sư Bùi Hoàng Linh Chi người bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn chị Lê Thị Hoài T phát biểu quan điểm tranh luận: Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn chị Lê Hoài T đã rút một phần nội dung kháng cáo liên quan đến tiền cấp dưỡng nuôi con chung đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận.

Đối với yêu cầu kháng cáo chia tài sản chung: Hiện nay anh Nguyễn Trọng T đang giữ số tiền 360.000.000 đồng đây là tiền bán thửa đất 09, tờ bản đồ số 12, diện tích 165m², địa chỉ tại tổ dân phố 2, phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Thửa đất này do anh Tài và chị T nhờ bố mẹ chồng là ông Vệ và bà Hiếu mua hộ và đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hàng tháng anh Tài vẫn chuyển tiền vào tài khoản của ông Vệ để ông Vệ trả tiền cho ngân hàng. Trong 02 vi bằng do Văn phòng thừa phát lại Thành An lập theo yêu cầu của chị T về nội dung tin nhắn Zalo giữa chị T và anh Tài thể hiện hai bên có trao về việc bán thửa đất ở tổ dân phố 2, phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh với giá 930 triệu, sau khi trả 570 triệu đồng tiền vay ngân hàng còn 360 triệu đồng chia đôi mỗi người một nửa. Hơn nữa trong biên bản phân chia tài sản chung do vợ chồng anh Tài, chị T lập ngày 15/9/2024 cũng chưa đề cập đến thửa đất này. Vì thế, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn buộc anh Tài phải đưa lại cho chị T số tiền 180 triệu đồng trong tổng số tiền 360 triệu đồng mà anh Tài đang giữ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án, quyết định của bản án sơ thẩm, nội dung đơn kháng cáo của bị đơn đã đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với nội dung kháng cáo của bị đơn chị Lê Hoài T về yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn chị Lê Hoài T về yêu cầu chia tài sản chung giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 13/2025/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh).

Căn cứ vào các chứng cứ và T liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh L tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh L tại phiên tòa.

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3) theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng thành phần và tư cách người tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án.

Đơn kháng cáo của chị Lê Hoài T trong thời gian luật định nên được chấp nhận để xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn chị Lê Hoài T đã rút một phần nội dung kháng cáo, cụ thể chị không yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy việc rút một phần nội dung kháng cáo của bị đơn chị T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2]. *Về căn cứ xét xử vắng mặt nguyên đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn anh Nguyễn Trọng T và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm ông Nguyễn Trọng Vệ và bà Nguyễn Thị H đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người nói trên.

[3]. Xét kháng cáo của bị đơn chị Lê Hoài T về yêu cầu Tòa án buộc nguyên đơn anh Nguyễn Trọng T trả lại cho chị Lê Hoài T số tiền 180.000.000 đồng trong tổng số tiền 360.000.000 đồng tiền bán thửa đất số 09, tờ bản đồ số 12, diện tích 165m², địa chỉ tổ dân phố 2, phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh mà hiện nay anh Nguyễn Trọng T đang giữ, Hội đồng xét xử xét thấy rằng:

Thứ nhất: Về nguồn gốc thửa đất, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã làm rõ nguồn gốc thửa đất số 09, tờ bản đồ số 12 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số DD 684319 ngày 05/04/2022 mang tên ông Nguyễn Trọng V và bà Nguyễn Thị H là T sản của ông Vệ và bà Hiếu không liên quan đến vợ chồng anh T, chị T theo quy định tại khoản 21 Điều 3 Luật đất đai năm 2024.

Theo lời khai của người làm chứng anh Nguyễn Thượng L thì năm 2022 anh L có chuyển nhượng cho ông Nguyễn Trọng V thửa đất số 09 tờ bản đồ số 12, diện tích 165m² có địa chỉ tại tổ dân phố 2, phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh với giá 1.150.000 đồng. Trước khi đặt cọc việc giao dịch, mua bán là do ông Vệ trực tiếp trao đổi với anh, còn tiền đặt cọc thì chị T là người chuyển tiền nhưng anh không nhớ cụ thể số tiền bao nhiêu. Qua xem xét bản sao kê T khoản của chị Lê Hoài T, số T khoản 1021128036 tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương (Vietcombank) thể hiện vào các ngày 24/02/2022 và ngày 21/3/2022 chị T đã chuyển khoản đến số T khoản 0201000274772 mang tên anh Nguyễn Thượng L02 lần với số tiền: 25.000.000 đồng (*không ghi nội dung chuyển khoản*) và 17.500.000 đồng (*nội dung chuyển tiền nộp thuế đất*). Nhận thấy đối với 02 giao dịch chuyển tiền của chị T đến T khoản anh L không có nội dung cụ thể để chứng minh việc chị T cho rằng đã chuyển tiền đặt cọc, nộp thuế đối với thửa đất nào. Mặt khác, căn cứ vào lời khai của ông Vệ và các chứng từ giao dịch do Ngân hàng cung cấp có căn cứ xác định nguồn tiền để ông V và bà Hiếu mua đất là bằng nguồn tiền tự có và tiền vay Ngân hàng. Số tiền 1.150.000.000 đồng ông Vệ đã trực tiếp trả cho anh L chia làm 2 đợt: đợt 1 vào ngày 24/2/2022 với số tiền đặt cọc 50.000.000 đồng (*theo Hợp đồng đặt cọc giữa*

ông Vệ và anh L) và đợt 2 vào ngày 09/3/2022 bằng nguồn vốn vay tại Ngân hàng (Giấy chuyển tiền kèm theo)

Thứ hai: Xem xét các bản sao kê T khoản Ngân hàng của nguyên đơn anh Nguyễn Trọng T và ông Nguyễn Trọng V. Trong thời kỳ hôn nhân của anh T và chị T, thời điểm từ khi mua đất của anh Nguyễn Thượng L vào năm 2022 đến thời điểm anh Nguyễn Trọng T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Lê Hoài T, qua các bản sao kê T khoản Ngân hàng của anh T và ông Vệ nhận thấy: Từ ngày 09/3/2022 đến ngày 31/3/2023 ở T khoản số 3711205259680 Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (*Agribank*) ông Vệ đã nhận số tiền 285.000.000 đồng do anh Nguyễn Trọng T chuyển đến (gồm số tiền 228.000.000 đồng từ số T khoản 3939699999 và 57.000.000 đồng từ số T khoản 0781000412976 Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam đều mang tên Nguyễn Trọng T); từ ngày 07/3/2023 đến 27/3/2025 ở T khoản số 32227657 Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (*ACB*) ông Vệ đã nhận số tiền 233.200.000 đồng do anh Nguyễn Trọng T chuyển đến (gồm số tiền 225.700.000 đồng từ số T khoản 3939699999 và 7.500.000 đồng từ số T khoản 0781000412976 Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam đều mang tên Nguyễn Trọng T).

Anh T và ông Vệ đều cho rằng việc anh T chuyển tiền vào T khoản của ông Vệ là cho bố mẹ dưỡng già và một phần chi trả các khoản tiền viện phí khi bà Hiếu đi viện điều trị bệnh, khi anh T chuyển tiền cho ông Vệ thì chị T đều biết và đồng ý, khoản tiền này không liên quan đến việc mua bán đất. Còn chị T cho rằng số tiền này là anh Tài chuyển vào T khoản của ông Vệ để ông Vệ trả nợ Ngân hàng hàng tháng đối với số tiền mua đất, tuy nhiên chị T không cung cấp được các T liệu, chứng cứ gì để chứng minh nội dung này. Xem xét hồ sơ vay vốn và trả nợ tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đức Thọ đối với số tiền ông Vệ và bà Hiếu đã vay thấy rằng vào thời điểm từ ngày 09/3/2022 (thời điểm vay nợ Ngân hàng) đến ngày 08/3/2023 (thanh toán xong khoản nợ Ngân hàng) ông Vệ vay thanh toán xong số tiền 1.100.000.000 đồng, trong khoảng thời gian này anh T chuyển vào T khoản ông Vệ tổng số tiền 285.000.000 đồng. Các lần chuyển tiền của anh Tài vào tài khoản của ông Vệ đều không có nội dung chuyển tiền trả nợ mua đất. Xét thấy không có căn cứ để xác định số tiền mà anh Tài đã chuyển cho ông Vệ là để trả nợ tiền vay ngân hàng để mua đất như chị T đã trình bày.

Thứ ba: Xem xét về nguồn tiền để mua đất, theo hồ sơ vay vốn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đức Thọ của ông Nguyễn Trọng V và bà Nguyễn Thị H thấy rằng ông Vệ và bà Hiếu đã ký Hợp đồng thế chấp thửa đất số 423, tờ bản đồ số 21, diện tích 338,8 m² ở thôn Đại Liên, xã Thanh Bình Thịnh, huyện Đức Thọ mang tên ông bà để vay ngân hàng số tiền 1.100.000.000 đồng vào ngày 09/3/2022. Sau đó, ông Vệ đã chuyển số tiền này vào tài khoản của anh Nguyễn Thượng Luận. Ngày 08/3/2023 thì ông bà thực hiện xong việc trả nợ cả gốc và lãi cho ngân hàng. Theo lời khai của ông V và bà Hiếu thì do kinh tế khó khăn nên tháng 4/2024 ông bà đã bán thửa đất này để thu hồi vốn và trả nợ Ngân hàng. Ông Vệ và bà Hiếu trình bày thêm thửa đất này do ông bà tự thế chấp nhà đất tại ngân hàng để mua với mục đích mua đi bán lại kiếm lời, vợ chồng anh Tài, chị T chưa lần nào nhờ ông bà vay tiền để mua đất cũng như không ủy quyền cho ông bà đứng tên trong hợp chuyển nhượng quyền sử dụng đất với anh Nguyễn Thượng Luận. Vì thế không có căn cứ khẳng định anh Tài và chị T nhờ ông Vệ, bà Hiếu vay tiền ngân hàng để mua đất này như lời trình bày của chị T.

Thứ tư: Xét vi bằng số 24/2025/VB-TPLTA ngày 14/3/2025 và Vi bằng số 45/2025/VB-TPLTA ngày 22/4/2025 của Văn phòng Thừa phát lại Thành An do bị đơn Lê Hoài T cung cấp:

Tại trang 36 (*Vi bằng số 24*) là tin nhắn trao đổi giữa chị Lê Hoài T và anh Nguyễn Trọng T thể hiện: Tiền bán lô đất ở Hồng Lĩnh 930.000.000 đồng, tiền nợ ngân hàng 600.000.000 đồng, còn 330.000.000 đồng anh T và chị T mỗi người được một nửa 165 triệu đồng. Tiền bán lô đất Trần Phú còn lại 935 triệu đồng, mỗi người một nửa 467.500.000 đồng. Như vậy, tổng $467.500.000 + 165.000.000 = 632.500.000$ đồng. Tại tin nhắn trao đổi anh T cho rằng lô đất ở Hồng Lĩnh đang nợ Ngân hàng 600.000.000 đồng, chị T cho rằng chỉ nợ Ngân hàng 570 triệu vì trước đó ông ngoại không lấy 30 triệu đồng nên đã trả vào tiền gốc. Nên anh T chốt lại lô Hồng Lĩnh bán 930 triệu trừ tiền nợ ngân hàng 570.000.000 đồng, còn 360.000.000 đồng mỗi người một nửa 180 triệu đồng chứ không phải 165 triệu đồng như ban đầu. Tuy nhiên, 02 Vi bằng (số 24 và 45) thể hiện các tin nhắn trao đổi, thống nhất vào các ngày 31/5/2024, ngày 25/8/2024 và 14/9/2024 nhưng đến ngày 15/9/2024 anh T và chị T lập văn bản phân chia T sản chung thể hiện thống nhất phân chia T sản chung là số tiền bán lô đất Trần Phú với số tiền 935.000.000 đồng, mỗi người 467.500.000 đồng. Trong văn bản phân chia tài sản chung không đề cập đến thửa đất số 09 tờ bản đồ số 12, diện tích 165m² Tổ dân phố 2, phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh. Vì thể không có căn cứ để xác định thửa đất này là T sản chung của anh T và chị T.

Thứ năm: Chị T trình bày thời điểm vợ chồng mua thửa đất số 09, tờ bản đồ số 12, diện tích 165 m² tổ dân phố 2, phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh vào tháng 01 năm 2022 khi đó đang có dịch Covid 19 và anh Tài đang đi làm ở Vũng Tàu nên không thể về để ký kết hợp đồng nên mới nhờ bố mẹ chồng là ông Vệ và bà Hiếu đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm chị T không cung cấp được tài liệu chứng minh vợ chồng anh chị đã ủy quyền cho ông Vệ và bà Hiếu đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng cũng như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hơn nữa, sau khi hết dịch Covid anh Tài thường xuyên về thăm nhà nhưng vợ chồng anh chị cũng chưa lần nào yêu cầu ông Vệ và bà Hiếu chuyển quyền sử dụng đối với thửa đất này lại cho vợ chồng; thời điểm ông Vệ và bà Hiếu chuyển nhượng thửa đất này (tháng 4/2024) cho người khác thì giữa các bên cũng không xảy ra tranh chấp.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào nguồn gốc thửa đất, các bản sao kê T khoản, vi bằng, biên bản phân chia T sản chung giữa anh Nguyễn Trọng T và chị Lê Hoài T xét thấy yêu cầu phân chia T sản chung là số tiền 360.000.000 đồng mà anh T đang giữ từ tiền bán thửa đất số 09, tờ bản đồ số 12, diện tích 165 m² tổ dân phố 2, phường Bắc Hồng, thị xã Hồng Lĩnh, tỉnh Hà Tĩnh của bị đơn chị Lê Hoài T là không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo liên quan đến nội dung này.

[4.] Về án phí:

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Trọng T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Bị đơn chị Lê Hoài T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia T sản chung không được chấp nhận là 9.000.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Kháng cáo của bị đơn chị Lê Hoài T không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 5 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với nội dung kháng cáo của bị đơn chị Lê Hoài T về yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn chị Lê Hoài T về yêu cầu chia tài sản chung giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 13/2025/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Hà Tĩnh).

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; điểm a khoản 2 Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119 Luật hôn nhân gia đình; khoản 21 Điều 3 Luật đất đai năm 2024; Căn cứ vào Điều 7, Điều 24, khoản 1, khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Xử cho anh Nguyễn Trọng T được ly hôn chị Lê Hoài T.

[2]. *Về con chung*: Giao con chung Nguyễn Kim N, sinh ngày 27/10/2020 cho chị Lê Hoài T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Buộc anh Nguyễn Trọng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Kim N mỗi tháng số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Nguyễn Kim N đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc kể từ khi điều kiện cấp dưỡng chấm dứt.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nhưng người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Anh Nguyễn Trọng T được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản hay cản trở.

[3]. *Về T sản*: Bác yêu cầu của chị Lê Hoài T về việc yêu cầu anh Nguyễn Trọng T đưa lại cho chị T số tiền 180.000.000 đồng (*Một trăm tám mươi triệu đồng*).

[4]. Về án phí:

*Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Trọng T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng anh T được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) mà anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007415 ngày 10 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Anh Nguyễn Trọng T còn phải tiếp tục số tiền còn lại là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*).

- Chị Lê Hoài T phải nộp 9.000.000 đồng (*Chín triệu đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng số tiền này được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là

4.500.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007452 ngày 16/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh Hà Tĩnh. Chị Lê Hoài T còn phải tiếp tục nộp số tiền còn lại là 4.500.000 đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*).

*Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn chị Lê Hoài T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007498 ngày 07/5/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh nay phòng thi hành án dân sự khu vực 3, Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- TAND khu vực 3;
- Phòng THADS khu vực 3;
- UBND xã Đức Thanh nay là xã Đức Thịnh, tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA- PHIÊN TÒA**

Nguyễn Khắc Hoàn